

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIVFS**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **22/09/2023**
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	4,300	8.72%
2	AGR	100	0.18%
3	BID	300	1.23%
4	BMI	100	0.25%
5	BSI	100	0.38%
6	BVH	100	0.40%
7	CTG	900	2.58%
8	CTS	100	0.28%
9	EIB	1,600	3.33%
10	EVF	500	0.57%
11	FTS	200	0.78%
12	HCM	300	0.93%
13	HDB	2,700	4.29%
14	LPB	2,600	3.53%
15	MBB	3,700	6.35%
16	MIG	100	0.16%
17	MSB	2,400	3.23%
18	OCB	1,400	1.86%
19	ORS	200	0.37%
20	SHB	3,700	4.04%
21	SSB	1,800	4.32%
22	SSI	1,400	4.40%
23	STB	2,500	7.32%
24	TCB	3,000	9.31%
25	TPB	1,700	2.93%
26	TVS	100	0.23%
27	VCB	800	6.30%
28	VCI	400	1.70%
29	VDS	100	0.17%
30	VIB	1,700	3.18%
31	VIX	900	1.55%
32	VND	1,200	2.63%
33	VPB	6,200	12.15%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	3,963,046	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value : (VND)
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF : (VND)
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value : (VND)

1,100,825,000
1,104,788,046
3,963,046

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	22,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	45,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	41,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
4	BVH	44,350	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HDB	17,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	18,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	14,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TCB	34,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	VCB	87,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
10	VCI	47,000	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
11	VIB	20,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	22/09/2023	21/09/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	28,000,000	28,000,000	
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	10,770.00	11,160.00	(390)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	309,340,653,118	314,211,975,114	(4,871,321,996)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,104,788,046	1,122,185,625	(17,397,579)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	11,047.88	11,221.85	(173.97)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,915.56	1,947.99	(32.43)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 21/09/2023 / *Item 5 is net asset value at 21/09/2023*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 20/09/2023 / *Item 5 is net asset value at 20/09/2023*



Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Yun Hang Jin
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

